

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/8/2022

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh;

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thơ - *Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.*

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 271/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đào Thi N, sinh năm 1975; địa chỉ: Số 19/3, Tổ 72, Khu phố 9, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay: Số 152/28, Khu phố 5, phường TA, thành phố T, tỉnh Bình Dương, (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Ha Van T, sinh năm 1969; địa chỉ: Số 19/3, Tổ 72, Khu phố 9, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, (có mặt tại phiên tòa nhưng vắng mặt khi tuyên án).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/03/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đào Thi N trình bày:

Bà Đào Thi N và ông Ha Van T kết hôn và đăng ký kết hôn năm 1998 tại UBND phường ĐH, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Hôn nhân hoàn T tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc, yêu thương, quan tâm lo lắng cho nhau cuộc sống gia đình đầm ấm. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra khoảng 05 năm nay do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không còn hòa hợp, không thể hàn gắn được. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông Ha Van T. Bà Đào Thi N và

ông Ha Van T có 02 con chung tên Ha Quoc T1, sinh năm 1993 và Ha Quoc T2, sinh ngày 03/3/2003. Con chung đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Ha Van T trình bày: Thống nhất với bà Đào Thi N về thời gian kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc, ông T chăm lo buôn bán, lo cho vợ con, tiền bạc trong gia đình do bà N quản lý. Vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn chỉ thỉnh thoảng có mâu thuẫn nhỏ không đến mức trầm trọng. Nguyên nhân vợ chồng không sống chung nhà là do vợ chồng ông có 02 căn nhà, bà N sống một nhà cùng con lớn còn ông T sống cùng người con nhỏ. Mấy năm nay bà N, không còn quan tâm gì đến gia đình dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, ông T sai và bà N cũng có phần sai, ông đã năn nỉ kêu bà N về để vợ chồng cho nhau cơ hội nhưng bà N không đồng ý. Ông T có ký bảo lãnh cho bà N vay số tiền 500.000.000 đồng tại Ngân hàng để bà N lấy vốn làm ăn. Nếu bà N muốn ly hôn ông T cũng đồng ý nhưng yêu cầu bà N phải trả nợ Ngân hàng và trả lại ông giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông sẽ đồng ý ly hôn. Ông Ha Van T và bà Đào Thi N có 02 con chung tên Ha Quoc T1, sinh năm 1993 và Ha Quoc T2, sinh ngày 03/3/2003. Các con chung đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không có tranh chấp gì với bà N nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Đào Thi N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn ông Ha Van T đồng ý ly hôn với bà N nhưng bà N phải trả cho ông giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông đang thế chấp tại Ngân hàng. Con chung đã đủ 18 tuổi. Tài sản chung và nợ chung thì ông không có tranh chấp với bà N nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật, các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định đối với những người tiến hành tố tụng. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận T bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật:* Ngày 15/03/2022, bà Đào Thi N có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Ha Van T nên đây là vụ án “*Ly hôn*” theo quy định tại Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.2]. *Về thẩm quyền:* Bị đơn ông Ha Van T sinh sống tại phường HA, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a

Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Ha Van T và bà Đào Thi N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 1998 tại UBND phường ĐH, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 81, quyển số 01 ngày 24/8/1998 nên quan hệ hôn nhân giữa ông Ha Van T và bà Đào Thi N là hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986.

Bà Đào Thi N trình bày, sau khi kết hôn bà N và ông Ha Van T sống hạnh phúc nhưng khoảng 05 năm nay bà và ông T phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không còn hòa hợp, không thể hàn gắn được. Nay tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T. Ông T thống nhất vợ chồng ông có mâu thuẫn và không còn sống chung với nhau, ông đồng ý ly hôn nhưng do ông T có ký bảo lãnh cho bà N vay tiền tại Ngân hàng. Hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn thế chấp trong Ngân hàng nên bà N phải trả nợ Ngân hàng và trả lại ông giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Xét thấy, ông T và bà N đều thống nhất vợ chồng có mâu thuẫn và không còn sống chung với nhau, ông T cũng đồng ý ly hôn với bà N. Chứng tỏ tình trạng hôn nhân của bà N và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Ông Ha Van T và bà Đào Thi N có 02 con chung tên Ha Quoc T1, sinh năm 1993 và Ha Quoc T2, sinh ngày 03/3/2003. Các con chung đã đủ 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Xét thấy, quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Đào Thi N phải chịu án phí là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng); ông Ha Van T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thi N đối với ông Ha Van T về việc ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đào Thi N được ly hôn với ông Ha Van T.
- Về con chung: Các con chung đã đủ 18 tuổi, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.
- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Đào Thi N phải chịu số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001459 ngày 17/6/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND phường ĐH;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nga

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND phường Phú Chánh, TX. Tân Uyên, T. Bình Dương;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

Vũ Thị N

